

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN TỔ CHỨC

*

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

Số 9500 - CV/BTCTW

*V/v định hướng số lượng cấp phó
của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị*

Kính gửi: - Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các ban đảng Trung ương,
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Văn phòng Chủ tịch nước; Tòa án nhân dân tối cao;
Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Nội vụ; Ủy ban Công
tác đại biểu Quốc hội; Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt
Nam và các đoàn thể Trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, để bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn tới, Ban Tổ chức Trung ương đã phối hợp với các cơ quan liên quan¹ rà soát các quy định và thực tế số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; nghiên cứu, đề xuất định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu, phạm vi

1. Nghiên cứu, quy định về định hướng số lượng cấp phó của các cơ quan, tổ chức (*từ cấp thứ trưởng và tương đương trở xuống*) cho giai đoạn 2030 - 2035².

2. Thực hiện đồng bộ, thống nhất (nhưng không cao bằng) về số lượng cấp phó giữa các địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị, bảo đảm các cơ quan tổ chức tinh, gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

3. Phạm vi áp dụng gồm: (1) Các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy các cấp; Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Trung ương, cấp tỉnh; phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phó chủ tịch các tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương và bí thư Trung ương Đoàn, cấp phó Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã. (2) Các cơ quan của Quốc hội. (3)

¹ Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy Văn phòng Chủ tịch nước, Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Đảng ủy Kiểm toán nhà nước, Đảng ủy Bộ Nội vụ, Đảng ủy Ủy ban CTDB Quốc hội, Cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

² Giai đoạn 2025 - 2030: Số lượng cấp phó thực hiện theo Kết luận của Trung ương.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. (4) Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước. (5) Số lượng phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và số lượng cấp phó trong các cơ quan, đơn vị của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; (6) Số lượng phó bí thư cấp ủy cấp xã.

Sau khi hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp trong thời gian tới, sẽ nghiên cứu, quy định về định hướng số lượng cấp phó trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ban, bộ, ngành, cơ quan ở Trung ương; địa phương.

II. Quan điểm

1. Quán triệt chủ trương Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; việc quy định, định hướng số lượng cấp phó phải bảo đảm tinh gọn, tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; bảo đảm phù hợp với việc sắp xếp, bố trí nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy các cấp và lộ trình chuyển tiếp hợp lý, giảm dần số lượng cấp phó hiện nay để sau 05 năm bảo đảm số lượng theo quy định, đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương trong hệ thống chính trị.

2. Cơ quan có thẩm quyền quy định tổng số cấp phó; cấp ủy, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về số lượng cấp phó cụ thể của từng cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý theo phân cấp, bảo đảm không vượt quá tổng số cấp phó được quy định.

3. Xác định số lượng cấp phó trong cơ quan, tổ chức trên cơ sở: (1) Kế thừa các quy định hiện hành, phù hợp với yêu cầu phân cấp, phân quyền, chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn; (2) Chức năng, nhiệm vụ; quy mô và phạm vi lãnh đạo, quản lý (*số tổ chức trực thuộc; số lượng biên chế, đảng viên, đoàn viên, hội viên...*); tính chất đặc thù về tổ chức và hoạt động các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; phân loại đơn vị hành chính (*quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số đơn vị hành chính trực thuộc (đối với cấp tỉnh), điều kiện kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù*), phân loại đô thị, bảo đảm phù hợp với đặc điểm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương.

III. Nguyên tắc định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức

Định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phải bảo đảm đồng thời các nguyên tắc sau:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định số lượng lãnh đạo của cơ quan, tổ chức trực thuộc theo phân cấp quản lý, bảo đảm nguyên tắc số lượng lãnh đạo cấp vụ, cục, sở, ngành tối đa không quá 50% số lượng đầu mối trực thuộc, cấp cuối cùng trong hệ thống tổ chức của cơ quan, tổ chức thì số lượng

lãnh đạo tối đa không quá 50% số biên chế được giao (*không áp dụng đối với cơ quan Mặt trận Tổ quốc cấp xã*).

2. Xác định số lượng cấp phó trong cơ quan, tổ chức phải bảo đảm nguyên tắc số lượng cấp phó trong 01 tổ chức trực thuộc tối đa không vượt quá số lượng cấp phó của tổ chức cấp trên trực tiếp (*như: số lượng phó cục trưởng, phó vụ trưởng của 01 cục, vụ tối đa không vượt quá số lượng thứ trưởng; số lượng phó trưởng phòng của 01 phòng trực thuộc cục, vụ tối đa không vượt quá số lượng phó cục trưởng, phó vụ trưởng; số lượng phó trưởng phòng của 01 phòng trực thuộc sở tối đa không vượt quá số lượng phó giám đốc sở...*). Các cơ quan, tổ chức cùng cấp thì số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức không có tổ chức bên trong tối đa không vượt quá số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức có tổ chức bên trong (*như: số lượng phó vụ trưởng tối đa không vượt quá số lượng phó cục trưởng*); cơ quan, tổ chức nào có nhiều đầu mối trực thuộc hơn thì số lượng cấp phó tối đa có thể nhiều hơn.

3. Xác định số lượng cấp phó trong cơ quan, tổ chức cụ thể như sau:

3.1. *Đối với các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương không thực hiện hợp nhất, sáp nhập*

- Số lượng thứ trưởng và tương đương, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và tương đương...; số lượng cấp phó đầu mối bên trong cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương cơ bản thực hiện theo các quy định hiện hành.

- Đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương chưa có quy định số lượng cấp phó tối đa:

+ Ở Trung ương: (1) Số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 05 người³; cấp phó các ban, cơ quan của Đảng ở Trung ương thực hiện theo quy định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; (2) Số lượng phó vụ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 03 người⁴; trường hợp đặc biệt cấp có thẩm quyền quyết định; (3) Số lượng phó trưởng phòng và tương đương tối đa thực hiện theo quy định về số lượng cấp phó của phòng và tương đương thuộc bộ, ngành.

+ Ở địa phương: Thực hiện theo quy định về số lượng cấp phó của chức danh, chức vụ tương đương thuộc sở, ngành cấp tỉnh, phòng cấp xã.

³ Bảo đảm tương quan với quy định về số lượng thứ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ.

⁴ Bảo đảm tương quan với quy định về số lượng cấp phó của vụ, cục trực thuộc bộ, ngành.

3.2. Đối với các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, địa phương thực hiện hợp nhất, sáp nhập

- Số lượng cấp phó các ban, bộ, ngành Trung ương thành lập mới trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập nhiều cơ quan, tổ chức cùng cấp:

+ Đối với ban, bộ, ngành chưa có quy định số lượng cấp phó tối đa: (1) Ban, bộ, ngành được hợp nhất, sáp nhập từ 02 cơ quan thì số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 06 người. (2) Ban, bộ, ngành được hợp nhất, sáp nhập từ 03 cơ quan thì số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 07 người.

+ Đối với ban, bộ, ngành đã có quy định số lượng cấp phó tối đa: (1) Ban, bộ, ngành được hợp nhất, sáp nhập từ 02 cơ quan thì số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 01 người so với quy định hiện hành. (2) Ban, bộ, ngành được hợp nhất, sáp nhập từ 03 cơ quan thì số lượng thứ trưởng và tương đương tối đa không vượt quá 02 người so với quy định hiện hành và bảo đảm số lượng thứ trưởng và tương đương của ban, bộ, ngành không vượt quá 07 người.

+ Đối với cấp vụ, cục: (1) Vụ, cục được hợp nhất, sáp nhập từ 02 cơ quan thì số lượng cấp phó tối đa không vượt quá 01 người so với quy định hiện hành. (2) Vụ, cục được hợp nhất, sáp nhập từ 03 cơ quan thì số lượng cấp phó tối đa không vượt quá 02 người so với quy định hiện hành và bảo đảm không vượt quá số lượng cấp phó của cấp trên trực tiếp.

- Về số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

+ Với Thành phố Hồ Chí Minh: Số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố tối đa không vượt quá 02 người; số lượng phó chủ tịch ủy ban nhân dân tối đa không vượt quá 03 người so với quy định hiện hành của Thành phố Hồ Chí Minh (*hiện nay quy định số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố không vượt quá 03 người; số lượng phó chủ tịch ủy ban nhân dân tối đa không vượt quá 06 người*).

+ Với thành phố trực thuộc Trung ương (*có thực hiện sáp nhập*): (1) Thành lập trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố không vượt quá 01 người; số lượng phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố tối đa không vượt quá 02 người so với quy định hiện hành của tỉnh, thành phố sáp nhập có phân loại đơn vị hành chính cao nhất (*hoặc theo phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị của thành phố sau sáp xếp*). (2) Thành lập trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố không vượt quá 02 người; số lượng phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố tối đa không vượt quá

03 người so với quy định hiện hành của tỉnh, thành phố sáp nhập có phân loại đơn vị hành chính cao nhất *(hoặc theo phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị của thành phố sau sắp xếp)* (hiện nay quy định số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân thành phố không vượt quá 02 người; số lượng phó chủ tịch ủy ban nhân dân tối đa không vượt quá 04 người).

+ Với các tỉnh: (1) Thành lập trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập 02 tỉnh: Số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh không vượt quá 01 người; phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh tối đa không vượt quá 02 người so với quy định hiện hành của tỉnh sáp nhập có phân loại đơn vị hành chính cao nhất *(hoặc theo phân loại đơn vị hành chính của tỉnh sau sắp xếp)*. (2) Thành lập trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập 03 tỉnh: Số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh không vượt quá 01 người; số lượng phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh tối đa không vượt quá 03 người so với quy định hiện hành của tỉnh sáp nhập có phân loại đơn vị hành chính cao nhất *(hoặc theo phân loại đơn vị hành chính của tỉnh sau sắp xếp)* (hiện nay quy định số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh không vượt quá 02 người; số lượng phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh loại I tối đa không vượt quá 04 người, tỉnh loại II, loại III tối đa không vượt quá 03 người).

- Đối với ban, sở, ngành của tỉnh, thành phố: (1) Hợp nhất, sáp nhập từ 02 tỉnh, thành phố thì số lượng phó giám đốc sở, phó trưởng phòng và tương đương tối đa không vượt quá 01 người *(trường hợp ban, sở, ngành mới hợp nhất, sáp nhập thì số lượng tối đa không vượt quá 02 người)* so với quy định hiện hành *(theo phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị của tỉnh, thành phố sau sắp xếp)*. (2) Hợp nhất, sáp nhập từ 03 tỉnh, thành phố thì số lượng phó giám đốc sở, phó trưởng phòng và tương đương tối đa không vượt quá 02 người *(trường hợp ban, sở, ngành mới hợp nhất, sáp nhập thì số lượng tối đa không vượt quá 03 người)* so với quy định hiện hành *(theo phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị của tỉnh, thành phố sau sắp xếp)* và bảo đảm không vượt quá số lượng cấp phó của cấp trên trực tiếp. (3) Các sở đặc thù... chỉ có ở 01 tỉnh, thành phố khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì giữ nguyên số lượng phó giám đốc sở, phó trưởng phòng và tương đương theo quy định hiện hành.

- Đối với cơ quan, tổ chức trực thuộc ban, bộ, ngành ở Trung ương *(như: vụ, cục, phòng và tương đương)*; ban, sở, ngành cấp tỉnh *(phòng và tương đương)* chưa có quy định số lượng cấp phó tối đa thì số lượng cấp phó theo quy định tại Điểm 3.1 Khoản 3 Mục III; số lượng cấp phó tối đa *(tăng thêm)* theo quy định tại Điểm 3.2 Khoản 3 Mục III *(như: số lượng phó vụ trưởng thuộc cơ quan chưa có quy định về số lượng phó vụ trưởng thì theo Điểm a được xác định tối đa là 03 người, nếu 02 vụ sáp nhập thì vụ mới có tối đa không quá 01 người là 04 người...)*

3.3. Với các cơ quan, tổ chức ở cơ quan Trung ương tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của các cơ quan, tổ chức hoặc thành lập mới trên cơ sở tổ chức lại (từ tổng cục thành cục; các chi cục khu vực...): Số lượng cấp phó tối đa không vượt quá 01 người so với số lượng quy định hiện hành.

3.4. Với các xã, phường, đặc khu

- Số lượng phó bí thư: 02 (01 phó bí thư thường trực, 01 phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân)⁵.

- Bình quân mỗi xã, phường, đặc khu có: 01 phó chủ tịch hội đồng nhân dân; bình quân 2,5 phó chủ tịch ủy ban nhân dân; bình quân 02 cấp phó/01 ban, phòng và tương đương. Trên cơ sở số lượng xã, phường, đặc khu, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh: (1) Xác định tổng số phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân, phó các ban, phòng cấp xã trong toàn tỉnh, thành phố. (2) Lãnh đạo, chỉ đạo việc quyết định cụ thể số lượng cấp phó phù hợp với quy mô diện tích, dân số, phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị, GRDP, thu ngân sách nhà nước, số lượng tổ chức đảng, đảng viên, đoàn viên, hội viên... đối với từng xã, phường, đặc khu.

3.5. Số lượng ban chấp hành, ban thường vụ, phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy: Ban Tổ chức Trung ương tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định cụ thể riêng.

4. Trường hợp đặc biệt, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đây là nội dung rất quan trọng, sẽ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định (ngày 29/8/2025), Ban Tổ chức Trung ương trân trọng đề nghị các đồng chí quan tâm nghiên cứu, tham gia ý kiến bằng văn bản về các nội dung nêu trên và gửi về Ban Tổ chức Trung ương **chậm nhất là 16h ngày 26/8/2025** để tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đồng chí Trưởng Ban (để báo cáo),
- Các đồng chí Phó Trưởng Ban,
- Các vụ: I, II, III, V (để đôn đốc),
- Lưu VP, Vụ TC-ĐL.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Dương

⁵ Theo Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị.